

UBND THÀNH PHỐ HOA LƯ

KINH PHÍ THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ CÁC XÃ, PHƯỜNG NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /3/2025 của UBND thành phố Hoa Lư)

DVT: 1.000 đồng

STT	Đơn vị	Phần mềm bảo hiểm xã hội	Giải pháp phát hiện và ứng cứu sự cố điểm cuối VNPT Smart IR	Dịch vụ chứng thực số công cộng quốc tế SSL	Hệ thống quản lý Biên lai thu tiền ngoài các khoản thu sử dụng biên lai ngành thuế gói 10.000 BL	Biên lai điện tử gói 10.000 BL	Chữ ký số HSM 12	Tổng cộng
	Tổng cộng	229.636	123.200	78.680	79.200	79.200	110.000	699.916
1	Xã Trường Yên		6.160	3.934	3.960	3.960	5.500	23.514
2	Xã Ninh Hoà		6.160	3.934	3.960	3.960	5.500	23.514
3	Phường Ninh Giang		6.160	3.934	3.960	3.960	5.500	23.514
4	Xã Ninh Khang		6.160	3.934	3.960	3.960	5.500	23.514
5	Phường Ninh Mỹ		6.160	3.934	3.960	3.960	5.500	23.514
6	Xã Ninh Hải		6.160	3.934	3.960	3.960	5.500	23.514
7	Xã Ninh Vân		6.160	3.934	3.960	3.960	5.500	23.514
8	Xã Ninh An		6.160	3.934	3.960	3.960	5.500	23.514
9	Phường Đông Thành	20.876	6.160	3.934	3.960	3.960	5.500	44.390
10	Phường Tân Thành	20.876	6.160	3.934	3.960	3.960	5.500	44.390
11	Phường Vân Giang	20.876	6.160	3.934	3.960	3.960	5.500	44.390

STT	Đơn vị	Phần mềm bảo hiểm xã hội	Giải pháp phát hiện và ứng cứu sự cố điểm cuối VNPT Smart IR	Dịch vụ chứng thực số công cộng quốc tế SSL	Hệ thống quản lý Biên lai thu tiền ngoài các khoản thu sử dụng biên lai ngành thuế gói 10.000 BL	Biên lai điện tử gói 10.000 BL	Chữ ký số HSM 12	Tổng cộng
12	Phường Bích Đào	20.876	6.160	3.934	3.960	3.960	5.500	44.390
13	Phường Nam Bình	20.876	6.160	3.934	3.960	3.960	5.500	44.390
14	Phường Nam Thành	20.876	6.160	3.934	3.960	3.960	5.500	44.390
15	Phường Ninh Khánh	20.876	6.160	3.934	3.960	3.960	5.500	44.390
16	Xã Ninh Nhất		6.160	3.934	3.960	3.960	5.500	23.514
17	Xã Ninh Tiến	20.876	6.160	3.934	3.960	3.960	5.500	44.390
18	Phường Ninh Phúc	20.876	6.160	3.934	3.960	3.960	5.500	44.390
19	Phường Ninh Sơn	20.876	6.160	3.934	3.960	3.960	5.500	44.390
20	Phường Ninh Phong	20.876	6.160	3.934	3.960	3.960	5.500	44.390

Số tiền bằng chữ: Sáu trăm chín mươi chín triệu chín trăm mười sáu nghìn đồng./.

KINH PHÍ THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ CÁC TRƯỜNG HỌC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /3/2025 của UBND thành phố Hoa Lư)

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Đơn vị	Phần mềm học bạ điện tử	Phần mềm tuyển sinh đầu cấp	Phần mềm quản lý văn bản VNPT - ioffice	Phần mềm VNPT Gomeet (Họp, dạy học trực tuyến)	Phần mềm Smart IR (bảo mật thông tin)	Phần mềm quản lý nhà trường	Kho học liệu điện tử (Phần mềm Elearning)	Phần mềm giáo án điện tử	Tổng cộng
	Tổng cộng	498.949	162.800	123.062	199.800	284.900	407.000	286.080	106.930	2.069.521
1	Trường MN Trường Yên thành phố Hoa Lư		2.200	1.663	2.700	3.850	5.500		1.445	17.358
2	Trường MN Ninh Hoà thành phố Hoa Lư		2.200	1.663	2.700	3.850	5.500		1.445	17.358
3	Trường MN Ninh Giang thành phố Hoa Lư		2.200	1.663	2.700	3.850	5.500		1.445	17.358
4	Trường MN Ninh Khang thành phố Hoa Lư		2.200	1.663	2.700	3.850	5.500		1.445	17.358
5	Trường MN Ninh Mỹ thành phố Hoa Lư		2.200	1.663	2.700	3.850	5.500		1.445	17.358
6	Trường MN Ninh Xuân thành phố Hoa Lư		2.200	1.663	2.700	3.850	5.500		1.445	17.358
7	Trường MN Ninh Thắng thành phố Hoa Lư		2.200	1.663	2.700	3.850	5.500		1.445	17.358
8	Trường MN Ninh Hải thành phố Hoa Lư		2.200	1.663	2.700	3.850	5.500		1.445	17.358
9	Trường MN Ninh Vân thành phố Hoa Lư		2.200	1.663	2.700	3.850	5.500		1.445	17.358
10	Trường MN Ninh An thành phố Hoa Lư		2.200	1.663	2.700	3.850	5.500		1.445	17.358
11	Trường MN Thiên Tôn thành phố Hoa Lư		2.200	1.663	2.700	3.850	5.500		1.445	17.358
12	Trường Mầm non Nam Thành thành phố Hoa Lư		2.200	1.663	2.700	3.850	5.500		1.445	17.358
13	Trường Mầm non Thúy Sơn thành phố Hoa Lư		2.200	1.663	2.700	3.850	5.500		1.445	17.358
14	Trường Mầm non Bích Đào thành phố Hoa Lư		2.200	1.663	2.700	3.850	5.500		1.445	17.358
15	Trường Mầm non Hoa Mai thành phố Hoa Lư		2.200	1.663	2.700	3.850	5.500		1.445	17.358
16	Trường Mầm non Vân Giang thành phố Hoa Lư		2.200	1.663	2.700	3.850	5.500		1.445	17.358
17	Trường Mầm non Thanh Bình thành phố Hoa Lư		2.200	1.663	2.700	3.850	5.500		1.445	17.358
18	Trường Mầm non Đông Thành thành phố Hoa Lư		2.200	1.663	2.700	3.850	5.500		1.445	17.358
19	Trường Mầm non Tân Thành thành phố Hoa Lư		2.200	1.663	2.700	3.850	5.500		1.445	17.358

STT	Đơn vị	Phần mềm học bạ điện tử	Phần mềm tuyển sinh đầu cấp	Phần mềm quản lý văn bản VNPT - ioffice	Phần mềm VNPT Gomeet (Họp, dạy học trực tuyến)	Phần mềm Smart IR (bảo mật thông tin)	Phần mềm quản lý nhà trường	Kho học liệu điện tử (Phần mềm Elearning)	Phần mềm giáo án điện tử	Tổng cộng
20	Trường Mầm non Nam Bình thành phố Hoa Lư		2.200	1.663	2.700	3.850	5.500		1.445	17.358
21	Trường Mầm non Ninh Khánh thành phố Hoa Lư		2.200	1.663	2.700	3.850	5.500		1.445	17.358
22	Trường Mầm non Ninh Sơn thành phố Hoa Lư		2.200	1.663	2.700	3.850	5.500		1.445	17.358
23	Trường Mầm non Ninh Phong thành phố Hoa Lư		2.200	1.663	2.700	3.850	5.500		1.445	17.358
24	Trường Mầm non Ninh Tiến thành phố Hoa Lư		2.200	1.663	2.700	3.850	5.500		1.445	17.358
25	Trường Mầm non Ninh Phúc thành phố Hoa Lư		2.200	1.663	2.700	3.850	5.500		1.445	17.358
26	Trường Mầm non Ninh Nhất thành phố Hoa Lư		2.200	1.663	2.700	3.850	5.500		1.445	17.358
27	Trường Tiểu học Trường Yên thành phố Hoa Lư	10.604	2.200	1.663	2.700	3.850	5.500	5.960	1.445	33.922
28	Trường Tiểu học Ninh Hoà thành phố Hoa Lư	7.491	2.200	1.663	2.700	3.850	5.500	5.960	1.445	30.809
29	Trường Tiểu học Ninh Giang thành phố Hoa Lư	9.559	2.200	1.663	2.700	3.850	5.500	5.960	1.445	32.877
30	Trường Tiểu học Ninh Khang thành phố Hoa Lư	7.843	2.200	1.663	2.700	3.850	5.500	5.960	1.445	31.161
31	Trường Tiểu học Ninh Mỹ thành phố Hoa Lư	8.514	2.200	1.663	2.700	3.850	5.500	5.960	1.445	31.832
32	Trường Tiểu học Ninh Xuân thành phố Hoa Lư	5.313	2.200	1.663	2.700	3.850	5.500	5.960	1.445	28.631
33	Trường Tiểu học Ninh Thắng thành phố Hoa Lư	5.467	2.200	1.663	2.700	3.850	5.500	5.960	1.445	28.785
34	Trường Tiểu học Ninh Hải thành phố Hoa Lư	6.919	2.200	1.663	2.700	3.850	5.500	5.960	1.445	30.237
35	Trường Tiểu học Ninh Vân thành phố Hoa Lư	15.048	2.200	1.663	2.700	3.850	5.500	5.960	1.445	38.366
36	Trường Tiểu học Ninh An thành phố Hoa Lư	9.053	2.200	1.663	2.700	3.850	5.500	5.960	1.445	32.371
37	Trường Tiểu học Thiên Tôn thành phố Hoa Lư	6.930	2.200	1.663	2.700	3.850	5.500	5.960	1.445	30.248
38	Trường Tiểu học Đinh Tiên Hoàng thành phố Hoa Lư	19.844	2.200	1.663	2.700	3.850	5.500	5.960	1.445	43.162
39	Trường Tiểu học Lý Tự Trọng thành phố Hoa Lư	21.692	2.200	1.663	2.700	3.850	5.500	5.960	1.445	45.010
40	Trường Tiểu học Tân Thành thành phố Hoa Lư	14.278	2.200	1.663	2.700	3.850	5.500	5.960	1.445	37.596
41	Trường Tiểu học Đông Thành thành phố Hoa Lư	17.589	2.200	1.663	2.700	3.850	5.500	5.960	1.445	40.907
42	Trường Tiểu học Thanh Bình thành phố Hoa Lư	20.108	2.200	1.663	2.700	3.850	5.500	5.960	1.445	43.426
43	Trường Tiểu học Ninh Khánh thành phố Hoa Lư	15.059	2.200	1.663	2.700	3.850	5.500	5.960	1.445	38.377
44	Trường Tiểu học Quang Trung thành phố Hoa Lư	11.693	2.200	1.663	2.700	3.850	5.500	5.960	1.445	35.011

STT	Đơn vị	Phần mềm học bạ điện tử	Phần mềm tuyển sinh đầu cấp	Phần mềm quản lý văn bản VNPT - ioffice	Phần mềm VNPT Gomeet (Họp, dạy học trực tuyến)	Phần mềm Smart IR (bảo mật thông tin)	Phần mềm quản lý nhà trường	Kho học liệu điện tử (Phần mềm Elearning)	Phần mềm giáo án điện tử	Tổng cộng
45	Trường Tiểu học Nam Thành thành phố Hoa Lư	14.289	2.200	1.663	2.700	3.850	5.500	5.960	1.445	37.607
46	Trường Tiểu học Ninh Sơn thành phố Hoa Lư	13.629	2.200	1.663	2.700	3.850	5.500	5.960	1.445	36.947
47	Trường Tiểu học Ninh Phong thành phố Hoa Lư	8.239	2.200	1.663	2.700	3.850	5.500	5.960	1.445	31.557
48	Trường Tiểu học Ninh Phúc thành phố Hoa Lư	14.179	2.200	1.663	2.700	3.850	5.500	5.960	1.445	37.497
49	Trường Tiểu học Ninh Tiến thành phố Hoa Lư	8.404	2.200	1.663	2.700	3.850	5.500	5.960	1.445	31.722
50	Trường Tiểu học Ninh Nhất thành phố Hoa Lư	5.654	2.200	1.663	2.700	3.850	5.500	5.960	1.445	28.972
51	Trường Tiểu học Lê Hồng Phong thành phố Hoa Lư	12.001	2.200	1.663	2.700	3.850	5.500	5.960	1.445	35.319
52	Trường THCS Trường Yên thành phố Hoa Lư	8.382	2.200	1.663	2.700	3.850	5.500	5.960	1.445	31.700
53	Trường THCS Ninh Hoà thành phố Hoa Lư	5.577	2.200	1.663	2.700	3.850	5.500	5.960	1.445	28.895
54	Trường THCS Ninh Giang thành phố Hoa Lư	7.238	2.200	1.663	2.700	3.850	5.500	5.960	1.445	30.556
55	Trường THCS Ninh Khang thành phố Hoa Lư	5.500	2.200	1.663	2.700	3.850	5.500	5.960	1.445	28.818
56	Trường THCS Ninh Mỹ thành phố Hoa Lư	6.127	2.200	1.663	2.700	3.850	5.500	5.960	1.445	29.445
57	Trường THCS Ninh Xuân thành phố Hoa Lư	4.048	2.200	1.663	2.700	3.850	5.500	5.960	1.445	27.366
58	Trường THCS Ninh Thăng thành phố Hoa Lư	4.389	2.200	1.663	2.700	3.850	5.500	5.960	1.445	27.707
59	Trường THCS Ninh Hải thành phố Hoa Lư	5.357	2.200	1.663	2.700	3.850	5.500	5.960	1.445	28.675
60	Trường THCS Ninh Vân thành phố Hoa Lư	11.957	2.200	1.663	2.700	3.850	5.500	5.960	1.445	35.275
61	Trường THCS Ninh An thành phố Hoa Lư	7.106	2.200	1.663	2.700	3.850	5.500	5.960	1.445	30.424
62	Trường THCS Đinh Tiên Hoàng, phường Ninh Mỹ TP Hoa Lư	8.217	2.200	1.663	2.700	3.850	5.500	5.960	1.445	31.535
63	Trường THCS Lý Tự Trọng thành phố Hoa Lư	28.875	2.200	1.663	2.700	3.850	5.500	5.960	1.445	52.193
64	Trường THCS Lê Hồng phong thành phố Hoa Lư	21.857	2.200	1.663	2.700	3.850	5.500	5.960	1.445	45.175
65	Trường THCS Đinh Tiên Hoàng thành phố Hoa Lư	15.092	2.200	1.663	2.700	3.850	5.500	5.960	1.445	38.410
66	Trường THCS Trương Hán Siêu thành phố Hoa Lư	5.412	2.200	1.663	2.700	3.850	5.500	5.960	1.445	28.730
67	Trường THCS Ninh Thành thành phố Hoa Lư	10.351	2.200	1.663	2.700	3.850	5.500	5.960	1.445	33.669
68	Trường THCS Quang Trung thành phố Hoa Lư	7.007	2.200	1.663	2.700	3.850	5.500	5.960	1.445	30.325
69	Trường THCS Ninh Nhất thành phố Hoa Lư	4.213	2.200	1.663	2.700	3.850	5.500	5.960	1.445	27.531

STT	Đơn vị	Phần mềm học bạ điện tử	Phần mềm tuyển sinh đầu cấp	Phần mềm quản lý văn bản VNPT - ioffice	Phần mềm VNPT Gomeet (Họp, dạy học trực tuyến)	Phần mềm Smart IR (bảo mật thông tin)	Phần mềm quản lý nhà trường	Kho học liệu điện tử (Phần mềm Elearning)	Phần mềm giáo án điện tử	Tổng cộng
70	Trường THCS Ninh Tiến thành phố Hoa Lư	6.556	2.200	1.663	2.700	3.850	5.500	5.960	1.445	29.874
71	Trường THCS Ninh Phong thành phố Hoa Lư	6.820	2.200	1.663	2.700	3.850	5.500	5.960	1.445	30.138
72	Trường THCS Ninh Sơn thành phố Hoa Lư	10.560	2.200	1.663	2.700	3.850	5.500	5.960	1.445	33.878
73	Trường THCS Ninh Phúc thành phố Hoa Lư	8.965	2.200	1.663	2.700	3.850	5.500	5.960	1.445	32.283
74	Trường THCS Ninh Bình - Bạc Liêu thành phố Hoa Lư	9.944	2.200	1.663	2.700	3.850	5.500	5.960	1.445	33.262

Số tiền bằng chữ: Hai tỷ không trăm sáu mươi chín triệu năm trăm hai mươi một nghìn đồng./.